TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2018
V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Duẩn
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ
Bà Bùi Thị Cẩm

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Tấn Hòa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Phổ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Phổ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/9/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐST - HNGĐ ngày 20/9/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lâm Thị Đ - sinh năm 1980.
2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Ngọc D - sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Thôn Thạch B 2, xã Phổ Th, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi,
Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/9/2018, bản tự khai ngày 19/9/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án chị Lâm Thị Đ trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc D kết hôn vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng kết hôn tại UBND xã Phổ Th, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do anh D thường xuyên uống rượu, bia về tìm cớ gây gỗ rồi đánh chị. Nhưng vì lúc đó các con còn nhỏ nên chị cố gắn chịu đựng và tìm cách khuyên anh D hạn chế uống bia, rượu lo làm ăn để gia đình được êm ấm, các con được cùng sống với cha, mẹ, nhưng anh D không thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ, chồng ngày càng xảy ra trầm trọng hơn, nên giữa chị và anh D sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh D không còn thương yêu nhau, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D.

Về con chung: Chị và anh D có 03 người con chung tên Nguyễn Kim Hoàn M, sinh ngày 29/9/2005, Nguyễn Đức TH, sinh ngày 21/02/2007, Nguyễn Đức A, sinh

ngày 21/9/2009, hiện nay các con đang ở cùng với chị và chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 03 con chung, yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản ghi lời khai khai ngày 27/9/2018, anh Nguyễn Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung anh thống nhất với lời trình bày của chị Lâm Thị Đ.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, do chị Đ đi bán quán hay về khuya, nên vợ chồng hay cãi vã với nhau, từ dó vợ chồng thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Do vậy, kể từ tháng 5/2016 cho đến nay giữa anh và chị Đ phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Đ có đơn xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Khi ly hôn anh xin nhận trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Kim Hoàn M, sinh ngày 29/9/2005; giao cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Đức TH, sinh ngày 21/02/2007, Nguyễn Đức A, sinh ngày 21/9/2009, về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con anh thống nhất theo ý kiến của chị Đ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ phát biểu quan điểm:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1.Việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II.Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị Lâm Thị Đ. Được ly hôn anh Nguyễn Ngọc D.

- Về con chung: Giao 03 con tên Nguyễn Kim Hoàn M, Nguyễn Đức TH, Nguyễn Đức A, cho chị Lâm Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Chị Lâm Thị Đ yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật. Qua yêu cầu đó anh D cũng đồng ý.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh D phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Đ với anh Nguyễn Ngọc D kết hôn với nhau vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phổ Th, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị Đ và anh D thường hay xảy ra mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn: Do trong cuộc sống hằng ngày giữa chị Đ và anh D thiếu sự tin tưởng nhau, hơn nữa anh D thường xuyên uống rượu, bia về tìm cách gây gỗ đánh chị Đ, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, giữa chị Đ và anh D sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Đ xin ly hôn anh D chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Đ và anh D.

[2] Về con chung: Chị Lâm Thị Đ và anh Nguyễn Ngọc D có 03 con chung tên Nguyễn Kim Hoàn M, sinh ngày 29/9/2005, Nguyễn Đức TH, sinh ngày 21/02/2007, Nguyễn Đức A, sinh ngày 21/9/2009, hiện nay các con đang ở cùng với chị Đ và do chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, theo ý kiến của chị Đ khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả 03 con chung, yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Còn theo ý kiến của anh D khi ly hôn anh xin nhận trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Kim Hoàn M. Đối với yêu cầu cấp dưỡng cho con anh D đồng ý theo yêu cầu của chị Đ. Xét yêu cầu nhận nuôi con của chị Đ và anh D khi ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các con của chị Đ, anh D hiện nay do chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và đã trên 7 tuổi, nguyện vọng của các con chị Đ, anh D khi ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với chị Đ. Mặc khác, anh D không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, nên chưa đảm bảo điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do vậy, yêu cầu của anh D không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Còn đối với chị Đ có nghề nghiệp buôn bán, có thu nhập ổn định, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặc thể chất, lẫn tinh thần, đảm bảo việc học hành cho các con của anh D, chị Đ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ. Giao cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở quyền này.

[3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét yêu cầu của chị Đ về việc yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại

khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử thấy chấp nhận. Buộc anh Nguyễn Ngọc D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi cháu 700.000 đồng/01tháng (03cháu x 700.000đ/tháng = 2.100.000/tháng), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 01/11/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000 đồng.

[8]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Đ và anh D; Chị Lâm Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Lâm Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con tên Nguyễn Kim Hoàn M, sinh ngày 29/9/2005, Nguyễn Đức TH, sinh ngày 21/02/2007, Nguyễn Đức A, sinh ngày 21/9/2009.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở quyền này.

[3]. Về yêu cầu cấp dưỡng cho con: Buộc anh Nguyễn Ngọc D phải có nghĩa vụ cấp dương cho con 700.000 đồng/01cháu/tháng (03 cháu x 700.000 đ/tháng = 2.100.000 đồng).

[4]. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số AA/2016/0001557 ngày 18/ 9 /2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Phổ.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- UBND xã Phổ Th;
- Lưu hồ sơ, án văn;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Mỹ Lễ **Bùi Thị Cẩm** **Nguyễn Văn Duẩn**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- UBND xã Phổ Th;
- Lưu hồ sơ, án văn;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

Hồi 11 giờ ngày 05/05/2017, tại phòng nghị án tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tấn

Ông Hoàng Minh Tân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 239/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2016 về " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Côi

Bị đơn: bà Lê Thị Hồng Yến

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

* Về điều luật áp dụng:

Áp dụng các Điều 427, 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm năm 2015; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Biểu quyết: 3/3 ý kiến.

* Về nội dung:

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Côi. Buộc bà Lê Thị Hồng Yến phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị Côi 02 cây (20 chỉ) vàng nhẫn bốn số 9999, tiền gốc 544.000.000 đồng, tiền lãi là 40.800.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 584.800.000 đồng (Năm trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm ngàn đồng).

Biểu quyết: 3/3 ý kiến.

Các Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Dũng Hoàng Minh Tân | Nguyễn Văn Duẩn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Các đương sự;
- Cục THADS thành phố;
- Lưu hồ sơ, án văn;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn